

Bản án số: 90/2017/HSPT

Ngày: 08-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.

2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2017/HSPT ngày 10/8/2017 đối với bị cáo Tạ Hồng N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Tạ Hồng N, tên gọi khác: không có; sinh năm 1949 tại xã T, huyện Y; nơi đăng ký HKTT: thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: 120562***; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; con ông Tạ Văn T (sinh năm 1911, đã chết) và bà Vũ Thị M (sinh năm 1916, đã chết); có vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 và có 6 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Thu N và bà Nguyễn Thị H là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Nhà C1*, ngõ 8*, phố T, phường Y, quận C, thành phố H.

(Luật sư N có mặt, Luật sư H vắng mặt)

*** Bị cáo trong vụ án không có kháng cáo:**

Họ và tên: Hà Đình T, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1946 (có mặt)

TQ: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

TQ: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh 1952(có mặt)

TQ: khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh 1964 (vắng mặt)

TQ: Tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh B.

5.Ông Trần Quốc G, sinh năm 1946 (có mặt)

TQ: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

6.Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1947 (có mặt)

TQ: thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

7.Ông Vũ Trí M, sinh năm 1947 (có mặt)

TQ: thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

8.Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 (vắng mặt)

TQ: thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

9.Ông Cao Bá T, sinh năm 1945 (vắng mặt)

TQ: thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

10.Ông Nguyễn Văn T tức Hồng T, sinh 1944 (vắng mặt)

TQ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

11.Ông Nguyễn Quốc G, sinh 1943(vắng mặt)

TQ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

12.Ông Vũ Trí D, sinh 1947 (có mặt)

TQ: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

13.Ông Nguyễn Văn T, sinh 1942 (vắng mặt)

TQ: thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

14.Anh Nguyễn Văn T, sinh năm, 1978 (vắng mặt)

TQ: thôn M, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

15.Ông Bùi Thế C, sinh năm 1947 (vắng mặt)

TQ: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

16.Bà Nguyễn Thị T, sinh 1954 (vắng mặt)

TQ: thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

17.Ông Nguyễn Đình P, sinh 1949 (vắng mặt)

TQ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

18.Ông Phạm Vương C, sinh 1952 (vắng mặt)

TQ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

19.Ông Nguyễn Thế D, sinh 1950 (vắng mặt)

TQ: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
20.Ông Giáp Văn T, sinh 1952 (có mặt)
TQ: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
21.Ông Nguyễn Hồng L, sinh 1942 (vắng mặt)
TQ: thôn P 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
22.Ông Nguyễn Đức L, sinh 1950 (vắng mặt)
TQ: thôn P 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
23.Ông Nguyễn Văn T, sinh 1951 (có mặt)
TQ: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
24.Ông Phan Văn K, sinh 1952 (vắng mặt)
TQ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
25.Bà Lương Thị N, sinh 1953 (có mặt)
TQ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
26.Ông Nguyễn Văn B, sinh 1953 (vắng mặt)
TQ: thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
27.Ông Phạm Ngọc L, sinh 1952 (vắng mặt)
TQ: thôn T 2, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
28.Ông Nguyễn Văn S, sinh 1954 (có mặt)
TQ: thôn C 2, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
29.Ông Trần Hồng L tức Trần Văn L, sinh 1952 (có mặt)
TQ: thôn K 2A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang
30.Ông Trần Xuân H, sinh 1957 (vắng mặt)
TQ: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
31.Ông Trần Quang Đ, sinh 1937 (vắng mặt)
TQ: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
32.Ông Vũ Huy S, sinh 1951 (vắng mặt)
TQ: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
33.Ông Vũ Xuân T, sinh 1955 (vắng mặt)
TQ: thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
34.Ông Vũ Trí B, sinh 1952 (vắng mặt)
TQ: phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
35.Ông Giáp Văn C, sinh 1941 (có mặt)
TQ: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
36.Ông Hỷ Phú N, sinh 1956 (vắng mặt)
TQ: thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
37.Ông Trịnh Xuân N, sinh 1942 (vắng mặt)
TQ: thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
38.Ông Trần Văn T, sinh 1951 (vắng mặt)
TQ: thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
39.Anh Nguyễn Văn T (tức C), sinh 1993 (vắng mặt)
TQ: thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

40. Anh Hoắc Công Anh H, sinh 1991 (vắng mặt)
TQ: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
41. Bà Nguyễn Thị X, sinh 1970 (vắng mặt)
TQ: thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
42. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt)
TQ: Ki ốt 1- 1*, Cổng 2 chợ Q, tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
43. Ông Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1952 (vắng mặt)
TQ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 11/KSĐT ngày 09/02/2017 của VKSND huyện Y và bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Tạ Hồng N, sinh năm 1949 ở thôn M, xã T, huyện Y đã tham gia quân đội và đang được hưởng chế độ trợ cấp bệnh binh. Khoảng trước 2015, N biết UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện chế độ chính sách đối với những người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trong thời kỳ chiến tranh (trong đó có bệnh đái tháo đường). Thấy có thể làm hồ sơ để được hưởng chế độ, tuy không bị bệnh đái tháo đường. N đến các bệnh viện để khám, làm hồ sơ bệnh đái tháo đường, nhưng không được. Trong thời gian N đi đến các bệnh viện làm hồ sơ, vào khoảng tháng 3/2015, N đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang thì gặp một người đàn ông đang cầm bộ hồ sơ tóm tắt bệnh án của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang để làm hồ sơ hưởng chế độ chất độc màu da cam. N làm quen và hỏi thì người đàn ông tự xưng tên là H, khi N hỏi về nguồn gốc bộ hồ sơ thì người đàn ông đó nói do Hà Đình T, sinh năm 1993 ở thôn T, xã T, huyện Y làm cho. N được người đàn ông đó cho số điện thoại của Hà Đình T.

Khoảng tháng 4/2015, N điện thoại cho T hỏi về việc có làm được bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện để làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách đối với những người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trong thời kỳ chiến tranh không. Hà Đình T từng là sinh viên trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Bắc Giang. Sau khi ra trường, T đến ở trọ ở khu công nghiệp Đ, huyện V để tìm việc làm. Trong thời gian này, T hay sử dụng internet nên biết được cách in phun lưới thủ công để làm giả con dấu và đã làm giả con dấu tài liệu bán cho một số đối tượng. Khi nhận được điện thoại của N thuê làm giả con dấu, dấu chức danh bệnh án thì T trả lời là chỉ làm được bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện có dấu tròn, dấu

chức danh của giám đốc, phó giám đốc của các bệnh viện, còn không viết được nội dung của bản tóm tắt bệnh án và T yêu cầu trả cho mỗi bộ hồ sơ từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.

Do quen biết nhiều người đã phục vụ trong quân đội đang có nhu cầu làm hồ sơ để được hưởng chế độ, không cần qua khám ở các bệnh viện. N nảy sinh ý định làm giả hồ sơ được hưởng chế độ cho những ai có nhu cầu để thu lời. N đến gặp Nguyễn Quang N, sinh năm 1953 ở thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nói cho Nguyễn Quang N biết N có thể làm được hồ sơ để hưởng chế độ chất độc hóa học cho những ai có nhu cầu nhưng không phải đến các bệnh viện để khám; bệnh án, giấy ra viện được đóng dấu sẵn chưa ghi nội dung. Thấy N nói vậy, Nguyễn Quang N nói với N là làm hồ sơ để được hưởng chế độ cho Nguyễn Quang N và một số người khác, còn bản tóm tắt bệnh án và giấy ra viện thì Nguyễn Quang N nhờ người khác viết hộ nhưng phải trả 1.000.000 đồng/ bộ hồ sơ, N đồng ý.

Sau khi đã tìm được người làm giả con dấu, dấu chức danh, chữ ký, người viết nội dung trong bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám chữa bệnh. N đi tìm gặp những người có nhu cầu làm bệnh án giả để bảo họ làm hồ sơ giao cho N để N làm giả con dấu, tài liệu để hưởng lợi. Kết quả điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2015 đến tháng 10/2015, N trực tiếp nhận và thông qua các đối tượng khác nhận và làm giả tổng số là 34 bộ hồ sơ, cụ thể:

Nhâm trực tiếp nhận 05 bộ hồ sơ của: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 ở xã T, huyện Y; Nguyễn Quang N, sinh năm 1953 ở xã L, huyện L; Trần Quốc G, sinh năm 1946 ở xã L, huyện Y; Vũ Trí M, sinh năm 1947; Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1942 đều ở xã T, huyện Y, thu 5.000.000đ/bộ hồ sơ được tổng số tiền là 20.000.000.đ.

N nhận hồ sơ thông qua Trần Văn B, sinh năm 1946 ở xã L, huyện L tổng số 10 bộ hồ sơ gồm: Bùi Thế C, sinh năm 1947 ở xã T, huyện L; Lương Thị N, sinh năm 1953 ở xã Q, huyện L; Nguyễn Thế D, sinh năm 1950 ở xã B, huyện L; Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 ở xã L, huyện L; Nguyễn Hồng L, sinh năm 1942 ở xã T, huyện L; Nguyễn Đức L, sinh năm 1950 ở xã T, huyện L; Phạm Vương C, sinh năm 1952 ở xã T, huyện L; Nguyễn Đình P, sinh năm 1949 ở xã B, huyện L; Phan Văn K, sinh năm 1952 ở xã T, huyện L; Giáp Văn T, sinh năm 1952 ở xã N, huyện L.

Khi nộp hồ sơ, B thu của Bùi Thế C, Nguyễn Đình P mỗi người 5.000.000đ; Lương Thị N (thông qua Nguyễn Minh T, sinh năm 1956 ở xã Q, huyện L); Phạm

Vương C; Phan Văn K (thông qua Nguyễn Minh T); Giáp Văn T mỗi người 6.000.000đ; Nguyễn Thế D 1.000.000đ; Nguyễn Văn T 8.000.000đ; Nguyễn Hồng L 10.000.000đ; Nguyễn Đức L 13.000.000đ; Tổng số tiền B thu được của 10 bộ hồ sơ là 61.000.000 đồng, B giao cho N 53.000.000 đồng còn 8.000.000 đồng dùng chi tiêu cá nhân.

Nhận qua Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 ở xã T, huyện Y tổng số 04 hồ sơ gồm: Vũ Trí D, sinh năm 1947; Nguyễn Quốc G, sinh năm 1943, Nguyễn Hồng T, sinh năm 1944; Cao Bá T, sinh năm 1945 đều ở xã T, huyện Y. Đ thu được tổng số tiền là 27.000.000 đồng nộp cho N 24.000.000 đồng còn lại 3.000.000 đồng dùng chi tiêu cá nhân.

Nhận thông qua Nguyễn Quang N, sinh năm 1938 ở xã L, huyện L 11 bộ hồ sơ gồm: Vũ Huy S, sinh năm 1951; Vũ Xuân T, sinh năm 1955 đều ở xã Y, huyện L; Nguyễn Hồng T, sinh năm 1944 ở xã T, huyện Y; Trần Quang Đ, sinh năm 1937 ở xã H, huyện L; Trịnh Xuân N, sinh năm 1952 ở xã K, huyện L; Trần Xuân H, sinh năm 1957 ở xã T, huyện Y; Phạm Ngọc L, sinh năm 1952 ở xã N, huyện T; Nguyễn Văn B, sinh năm 1953 ở huyện Y; Nguyễn Văn T, sinh năm 1938 ở xã L, huyện L; Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1942 ở xã C, huyện L; Hỷ Phú N, sinh năm 1965 ở thôn ở xã Q, huyện L. Khi nhận hồ sơ, Nguyễn Quang N thu của Vũ Huy S; Vũ Xuân T; Trần Quang Đ; Trần Xuân H mỗi người 5.000.000đ; Nguyễn Hồng T; Trịnh Xuân N; Phạm Ngọc L; Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn Tr; Hỷ Phú N mỗi người 6.000.000 đồng. Tổng số Nguyễn Quang N thu được 68.000.000 đồng giao cho N.

Nhận thông qua Vũ Thanh H, sinh năm 1938 ở xã C, huyện L tổng số 02 bộ hồ sơ gồm: Vũ Trí B, sinh năm 1952 ở thị trấn Đ, huyện L; Giáp Văn C, sinh năm 1941 ở xã B, huyện L. H thu mỗi người 6.000.000 giao cho N 11.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng H dùng chi tiêu cá nhân.

Nhận thông qua Trần Văn L, sinh năm 1948 ở xã T, huyện Y 01 bộ hồ sơ của Nguyễn Văn S, sinh năm 1952 ở xã H, huyện L. L thu của S 8.000.000 đồng giao cho N 5.000.000đ còn 3.000.000đ L dùng chi tiêu cá nhân.

Nhận thông qua Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 ở xã N, huyện L 01 bộ hồ sơ của Trần Văn L, sinh năm 1953 ở xã H, huyện L và thu của ông L 6.000.000 đồng.

Để có mẫu dấu, mẫu chức danh của lãnh đạo các bệnh viện, N đi xin bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện của những người đã đi khám bệnh ở bệnh viện (N không

nhớ tên, tuổi địa chỉ) đi phô tô lại. Còn mẫu giấy bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện N đến quán photocopy ông Hà Văn H, sinh năm 1955 ở thị trấn T, huyện Y thuê ông H đánh máy lại, sau đó photocopy ra lập thành 34 bản tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện.

Để có mẫu sổ khám, chữa bệnh, N lấy sổ mua ở bệnh viện Quân y 110 từ năm 2012 và mượn của chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982 ở thôn M, xã T, huyện Y đến quán photocopy của gia đình bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 ở xã X, huyện Y photo rồi đóng thành quyển. Khi đã có sổ N đến bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 ở xã T, huyện Y viết tên bệnh và thuốc chữa bệnh đái tháo đường vào 05 quyển sổ như nội dung bệnh và tên thuốc ghi giống như nội dung trong sổ theo dõi điều trị đái tháo đường của chị Nguyễn Thị Đ, còn 01 sổ N tự viết.

Sau đó N đưa toàn bộ 34 tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện, 06 quyển sổ khám, chữa bệnh chưa có nội dung và bản phô tô mẫu dấu, mẫu chữ ký, mẫu chức danh lãnh đạo của các Bệnh viện quân y 110, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện tâm thần tỉnh Bắc Giang cho Hà Đình T để thuê làm giả con dấu, chữ ký.

Sau khi T nhận được bản phô con dấu, dấu chức danh; mẫu bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện chưa có nội dung và dấu đỏ, mang về phòng trọ ở xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. T đi mua các dụng cụ gồm: giấy scan, mực in đỏ, lưới in, keo, chất bắt sáng, 01 dao gọt, 01 tấm kính kích thước khoảng (30x50)cm ở một cửa hàng không nhớ tên, địa chỉ ở thành phố Bắc Giang; mua dây điện và bóng điện tiết kiệm 40W đem về rồi sử dụng những dụng cụ có sẵn trong phòng trọ gồm: máy sấy tóc, mảnh xốp hình chữ nhật kích thước (20x40)cm, máy hàn gạch chỉ kích thước (10 x 20)cm, 01 khăn mặt. Sau khi có dụng cụ, T dùng bút bi, bút tẩy chỉnh sửa lại mẫu dấu cho nét rồi đem ra cửa hàng photo để photo mẫu con dấu, dấu chức danh lên giấy scan, đặt giấy scan này lên trên mặt kính cách mặt đất khoảng 40cm, đặt bóng đèn xuống dưới mặt kính, đặt lưới in đã quét keo và chất bắt sáng lên trên giấy san, dải khăn mặt lên trên, tiếp tục đặt tấm xốp lên trên khăn mặt, tiếp tục đặt 02 hòn gạch lên trên tấm xốp, sau đó bật sáng bóng đèn lên để con dấu in trên mặt lưới. Khoảng 10 phút sau, mang tấm lưới đi rửa sạch, dùng máy sấy tóc sấy khô, tiếp tục dùng dao gọt mực đỏ để in con dấu, dấu chức danh vào bản mẫu tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám, chữa bệnh đã chuẩn bị sẵn. T thực hiện lần lượt từng bộ hồ sơ. Sau khi làm giả con dấu, dấu chức danh xong, T đưa hồ sơ lại cho N và nhận đủ số tiền N đưa cho.

Nhận được bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện có mẫu dấu đỏ, N tiếp tục

thuê Nguyễn Quang N viết nội dung vào 34 bản tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện. Sau khi viết xong nội dung của các bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám chữa bệnh, N đưa hồ sơ cho các đối tượng để nộp hồ sơ đến Sở lao động – thương binh và xã hội tỉnh để xin hưởng chế độ chính sách đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Đối với tổng số tiền thu được 189.000.000đ, N chi cho Nguyễn Quang N 33.000.000đ là tiền thuê viết nội dung vào bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện; chi cho Hà Đình T 29.600.000đ tiền công làm giả con dấu, chữ ký; chi cho Nguyễn Minh T 5.000.000 đồng tiền môi giới trung gian; đưa cho Trần Văn B 2.000.000 đồng môi giới trung gian; N chi phí đi lại, phô tô tài liệu 2.000.000 đồng. Còn lại 117.400.000đ dùng chi tiêu cá nhân.

Đối với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang, sau khi nhận hồ sơ của các đối tượng gửi đến đã tiến hành thẩm định, xác minh và phát hiện các hồ sơ trên là giả, N đưa 25.000.000 đồng cho T để rút hồ sơ ra để tránh bị phát hiện nhưng T không rút được.

Ngày 27/11/2015, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang có công văn và chuyển toàn bộ bản tóm tắt bệnh án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 19/10/2016, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động có chứa sim 01645995599. là tang vật vụ án.

Ngày 10/11/2016, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của 02 số thuê bao 01645995599 và 0906079435 có kết quả: thời gian từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 11/2015, hai số thuê bao trên thường xuyên liên lạc với nhau.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra các quyết định trưng cầu giám định đối với 34 tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện, 06 sổ theo dõi điều trị bệnh, sổ theo dõi bệnh đái tháo đường có kết quả như sau:

- 34 bản tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện và 06 sổ khám, chữa bệnh là giả; con dấu, dấu chức danh được hình thành bằng phương pháp in phun lưới;
- Chữ viết trong các bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám chữa bệnh không phải chữ viết của N và T.

Cơ quan điều tra cho Hà Đình T thực nghiệm điều tra toàn bộ quá trình làm giả con dấu, dấu chức danh trong bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám, chữa

bệnh. Kết quả thực nghiệm điều tra, T thực hiện thuần thục các hành vi đúng lời khai nhận của T tại cơ quan điều tra.

Tại cáo trạng số 11/KSĐT ngày 09 tháng 02 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Hà Đình T và Tạ Hồng N về tội “ *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, khoản 2, Điều 267 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Hà Đình T, Tạ Hồng N phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b, khoản 2, khoản 4, Điều 267; Điểm p, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33- Bộ luật hình sự, Xử phạt: Tạ Hồng N **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và 5.000.000đ tiền phạt.

Ngoài ra bản án còn xử phạt Hà Đình T **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù và 6.000.000 đ tiền phạt , giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 20/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Y nhận đơn kháng cáo của bị cáo Tạ Hồng N. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án do bị cáo bị xét xử oan. Sau đó ngày 14/8/2017 bị cáo Tạ Hồng N có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị xem xét giảm nhẹ mức án với hình phạt nhẹ nhất.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ mức án với hình phạt nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo, lý do: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình và rất ân hận. Nguyên nhân phạm tội do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, mục đích là giúp đỡ đồng đội chứ không tư lợi cá nhân. Bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường lại toàn bộ số tiền mà các đồng đội đã nộp cho bị cáo. Bị cáo có tham gia cách mạng được tặng thưởng nhiều huân chương kháng chiến. Trước khi xét xử phúc thẩm đã nộp tiền phạt 5.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Bị án Hà Đình T khai nhận: Trước đó không quen biết gì bị cáo Tạ Hồng N, khi bị cáo gọi điện thoại nhờ làm giả giấy tờ, con dấu của bệnh viện đã đồng ý làm cho bị cáo 34 bộ hồ sơ như bản án sơ thẩm nêu là đúng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa xác định đã nhận lại tiền đầy đủ, không còn vướng mắc liên quan gì với bị cáo nữa.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho bị cáo. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Việc bị cáo nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm không được coi là tình tiết giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên VKS thấy bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường các khoản tiền cho những người liên quan nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 46- BLHS cho bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, Điều 249- BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tạ Hồng N phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 2, khoản 4, Điều 267; điểm p, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 47; Điều 20, Điều 53, Điều 33- Bộ luật hình sự, Xử phạt: Tạ Hồng N 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Xác nhận bị cáo đã nộp 5.000.000đ tiền phạt tại Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư bào chữa phát biểu quan điểm: Về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ VKS đã nêu cơ bản Luật sư nhất trí. Đề nghị xem xét bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức, nhận thức pháp luật hạn chế, động cơ mục đích là giúp các anh em đồng đội có được chế độ đãi ngộ của nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn hơn trong cuộc sống. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuổi cao, bệnh binh mất 71% sức khỏe. Bị cáo có nhân thân tốt, không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội, đề nghị áp dụng Công văn 01/2017 của TAND tối cao về việc áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng khoản 2, Điều 54 BLHS năm 2015 thay cho Điều 47-BLHS năm 1999. Đề

ngiht p dụng tình tiết chưa gây thiệt hại tại điểm g, khoản 1, Điều 46 và bồi thường khắc phục hậu quả tại điểm b, khoản 1, Điều 46- BLHS cho bị cáo. Trên cơ sở phân tích đã nêu đề nghị p dụng Điều 60- BLHS cho bị cáo hưởng mức n nhẹ nhất và được hưởng n treo.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo nhất trí quan điểm của Luật sư, không có ý kiến tranh luận gì.

- Đại diện VKS đối đáp: Bị cáo có vai trò chủ mưu làm 34 bộ hồ sơ, tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên không đủ điều kiện để hưởng n treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Thiệt hại về vật chất chưa xảy ra nhưng đã làm ảnh hưởng đến sự hoạt động đúng đắn bình thường, uy tín của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu về mặt xã hội nên không chấp nhận điểm g, khoản 1, Điều 46-BLHS. Việc bị cáo khắc phục hậu quả là trả tiền cho những người liên quan chỉ là tình tiết xem xét giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 46- BLHS. Do đó không có căn cứ chấp nhận quan điểm của Luật sư.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo để có điều kiện cải tạo tốt chăm lo cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được Tòa n nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tiếp nhận ngày 20/6/2017 theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng được tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, quá trình điều tra đã có lời khai nên không ảnh hưởng xét xử. Bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư và người liên quan do đó HĐXX căn cứ quy định tại Điều 245- BLTTHS xét xử vắng mặt những người này.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Hồng N, HĐXX thấy: Do quen biết nhiều người đã phục vụ trong quân đội đang có nhu cầu làm hồ sơ để được hưởng chế độ, không cần qua khám ở các bệnh viện. N nảy sinh ý định làm giả hồ sơ được

hưởng chế độ cho những ai có nhu cầu để thu lời. N đến gặp Nguyễn Quang N, sinh năm 1953 ở thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nói cho Nguyễn Quang N biết N có thể làm được hồ sơ để hưởng chế độ chất độc hóa học cho những ai có nhu cầu nhưng không phải đến các bệnh viện để khám; bệnh án, giấy ra viện được đóng dấu sẵn chưa ghi nội dung. Thấy N nói vậy, Nguyễn Quang N nói với N là làm hồ sơ để được hưởng chế độ cho Nguyễn Quang N và một số người khác, còn bản tóm tắt bệnh án và giấy ra viện thì Nguyễn Quang N nhờ người khác viết hộ nhưng phải trả 1.000.000 đồng/ bộ hồ sơ, N đồng ý.

Sau đó, N đã gọi điện thoại cho Hà Đình T thuê làm giả con dấu, dấu chức danh bệnh án thì T trả lời là chỉ làm được bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện có dấu tròn, dấu chức danh của giám đốc, phó giám đốc của các bệnh viện, còn không viết được nội dung của bản tóm tắt bệnh án và T yêu cầu trả cho mỗi bộ hồ sơ từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.

Để có mẫu dấu, mẫu chức danh của lãnh đạo các bệnh viện, N đi xin bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện của những người đã đi khám bệnh ở bệnh viện (N không nhớ tên, tuổi địa chỉ) đi phô tô lại. Còn mẫu giấy bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện N đến quán photocopy ông Hà Văn H, sinh năm 1955 ở thị trấn T, huyện Y thuê ông H đánh máy lại, sau đó photocopy ra lập thành 34 bản tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện.

Để có mẫu sổ khám, chữa bệnh, N lấy sổ mua ở bệnh viện Quân y 110 từ năm 2012 và mượn của chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982 ở thôn M, xã T, huyện Y đến quán photocopy của gia đình bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 ở xã X, huyện Y photo rồi đóng thành quyển. Khi đã có sổ N đến bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 ở xã T, huyện Y viết tên bệnh và thuốc chữa bệnh đái tháo đường vào 05 quyển sổ như nội dung bệnh và tên thuốc ghi giống như nội dung trong sổ theo dõi điều trị đái tháo đường của chị Nguyễn Thị Đ, còn 01 sổ N tự viết.

Sau đó N đưa toàn bộ 34 tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện, 06 quyển sổ khám, chữa bệnh chưa có nội dung và bản phô tô mẫu dấu, mẫu chữ ký, mẫu chức danh lãnh đạo của các Bệnh viện quân y 110, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện tâm thần tỉnh Bắc Giang cho Hà Đình T để thuê làm giả con dấu, chữ ký.

Bằng thủ đoạn phô tô con dấu, dấu chức danh, chữ ký; mẫu bản tóm tắt bệnh án, giấy ra viện của các Bệnh viện sau đó dùng bút bi, bút tẩy chỉnh sửa lại mẫu dấu cho nét, đem ra cửa hàng photo để photo mẫu con dấu, dấu chức danh lên giấy scan, đặt giấy scan lên trên mặt kính cách mặt đất khoảng 40cm, đặt bóng đèn

xuống dưới mặt kính, đặt lưới in đã quét keo và chất bắt sáng lên trên giấy scan, dải khăn mặt lên trên, đặt tấm xốp lên trên khăn mặt và 02 hòn gạch lên trên tấm xốp, bật sáng bóng đèn lên để con dấu in trên mặt lưới, mang tấm lưới đi rửa sạch, dùng máy sấy tóc sấy khô, tiếp tục dùng dao gạt mực đỏ để in con dấu, dấu chức danh, chữ ký vào bản mẫu tóm tắt bệnh án, giấy ra viện, sổ khám, chữa bệnh đã chuẩn bị sẵn rồi viết tên bệnh và thuốc chữa bệnh đái tháo đường vào như nội dung trong sổ theo dõi điều trị đái tháo đường để giao cho các đối tượng thu lợi bất chính.

Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2015, Tạ Hồng N và Hà Đình T nhiều lần làm giả con dấu, tài liệu gồm 34 bản tóm tắt bệnh án, 09 giấy ra viện, 03 sổ theo dõi điều trị bệnh, 03 sổ theo dõi điều trị bệnh đái tháo đường cho 34 đối tượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để làm hồ sơ xin hưởng chế độ chính sách đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thu lợi bất chính 202.000.000đ.

Từ những nội dung trên Tòa án sơ thẩm xét xử, kết luận bị cáo Tạ Hồng N về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, khoản 2, Điều 267- Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Tạ Hồng N thấy:

Tòa án sơ thẩm đã xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48- BLHS là đúng. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đã lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương chiến công giải phóng, có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương kháng chiến hạng 3, là bệnh binh tại điểm p, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 46- Bộ luật hình sự là đúng. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì. Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Do đó không có căn cứ giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Quan điểm của Luật sư về áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bồi thường khắc phục hậu quả”, “chưa gây thiệt hại” quy định tại các điểm b, điểm g, khoản 1, Điều 46- BLHS cho bị cáo là

không có cơ sở chấp nhận vì: Bị cáo khắc phục trả tiền là cho người liên quan chứ không phải bị hại trong vụ án nên chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 46- BLHS. Còn về hậu quả vật chất là chưa xảy ra nhưng đã có ảnh hưởng xấu đến xã hội, đến uy tín của cơ quan, tổ chức bị làm giả con dấu, tài liệu. Tuy nhiên HĐXX thấy: Việc bị cáo nộp tiền phạt theo quyết định của án sơ thẩm mặc dù không được coi là tình tiết giảm nhẹ hình phạt nhưng đã thể hiện bị cáo có ý thức ăn năn hối cải, chấp hành pháp luật. Xét tính chất, mức độ của vụ án HĐXX thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội cũng do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, muốn giúp đỡ đồng đội có chế độ ưu đãi của Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Bị cáo có tuổi đời đã cao (68 tuổi) lại là bệnh binh mất 71 % sức khỏe. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 46- BLHS, không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều công lao đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời, hậu quả xấu chưa xảy ra. Trong vụ án này bị cáo cũng không phải là người chủ động làm giả con dấu, tài liệu nếu không có đối tượng H giới thiệu cho bị cáo số điện thoại của T. Bị cáo không biết T làm con dấu, tài liệu theo cách nào. Trong việc viết nội dung giả vào hồ sơ bệnh án thì đối tượng Nguyễn Quang N làm, do đó Nguyễn Quang N có vai trò tích cực hơn bị cáo trong việc nhận hồ sơ và làm giả tài liệu cho các đối tượng có nhu cầu nhưng do Nguyễn Quang N đã chết nên không đặt ra xử lý trách nhiệm. Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái và ăn năn hối cải. Xét thấy việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng trong đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Việc Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến cho bị cáo được coi là “người có công với cách mạng” quy định tại điểm x, khoản 1, Điều 51- BLHS năm 2015. Do đó HĐXX phúc thẩm xét thấy cần áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật giữ nguyên mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm đ, khoản 1, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo, sửa bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Tạ Hồng N đã nhận số tiền 189.000.000 đồng từ các đối tượng trung gian môi giới là chưa chính xác mà thực tế chỉ có 187.000.000 đồng, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ điểm h, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Tạ Hồng N đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm đ, khoản 1, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Tạ Hồng N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tạ Hồng N phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 267; điểm p, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 60- Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x, khoản 1, Điều 51- BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Tạ Hồng N 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xác nhận bị cáo Tạ Hồng N đã nộp 5.000.000đ tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm tại biên lai số AA/ 2010/ 007938 ngày 05/9/2017 của Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo Tạ Hồng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng